

Bản án số: 03/2022/DS-ST

Ngày: 25 - 02 - 2022

V/v: Tranh chấp Hợp đồng sử dụng
thẻ tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Di

2. Ông Huỳnh Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Điền.

- Đại diện Viện kiểm sát huyện Long Điền tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 82/2021/TLST – DS ngày 27 tháng 10 năm 2021. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXXST – DS ngày 11 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S

Địa chỉ: Đường N, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Nguyệt K- Nhân viên Ngân hàng TMCP S (Theo văn bản ủy quyền số 01/2022/UQ-TTT ngày 06/01/2022) (có mặt)

2. Bị đơn: Ông Đinh Trung T, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Tổ 4, ấp H, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Hiện ông T đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu) (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời trình bày của người đại diện Ngân hàng TMCP S tại Tòa án:

Ngày 09/01/2019, ông Đinh Trung T ký với Ngân hàng TMCP S (sau đây gọi là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp

thẻ tín dụng kèm hợp đồng, bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng- các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 19.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2,15%/tháng (lãi suất trong hạn).

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 18.152.800 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 0 đồng. Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng của Ngân hàng, số tiền thanh toán sẽ được ưu tiên trừ vào các khoản phí, lãi trước sau đó sẽ trừ trực tiếp vào các khoản giao dịch. Cụ thể số tiền ông T còn nợ đến ngày 22/6/2019 được tính như sau: $\text{Dư nợ ngày 22/6/2019} = \text{Số tiền giao dịch} + (\text{Số tiền thanh toán} + \text{Phí, lãi})$. Trong đó: Số tiền giao dịch 18.152.800 đồng; Số tiền thanh toán 0 đồng; Tổng các khoản phí 1.676.721 đồng; Tổng tiền lãi 1.980.400 đồng. Như vậy dư nợ đến ngày 22/6/2019 = $18.152.800 + (0 + 1.676.721 + 1.980.400) = 21.809.921$ đồng.

Tuy nhiên qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông T vi phạm hợp đồng 90 ngày không thanh toán (Điều 2 của Bản điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngày 23/6/2019, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ ông T còn thiếu tại thời điểm này số tiền 21.809.921 đồng sang nợ quá hạn (Điều 23 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 21.809.921 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng. Tạm tính đến ngày 25/02/2022, ông T còn nợ Ngân hàng số tiền 44.763.555 đồng (trong đó nợ gốc 21.809.921 đồng, lãi quá hạn là 22.953.634 đồng)

Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đinh Trung T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi còn nợ phát sinh từ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 09/01/2019 tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 25/02/2022) là 44.763.555 đồng (trong đó nợ gốc 21.809.921 đồng, lãi quá hạn là 22.953.634 đồng). Và ông T có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 26/02/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng. Thời hạn thanh toán trả một lần ngay.

Tại Bản tự khai và Biên bản lấy lời khai ngày 15/12/2021, bị đơn ông Đinh Trung T trình bày:

Ngày 09/01/2019, ông T có ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với Ngân hàng TMCP S với hạn mức sử dụng là 19.000.000 đồng với mục đích tiêu xài cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 18.152.800 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông T chưa thanh toán cho Ngân hàng dù Ngân hàng đã gửi mail nhắc nhở. Do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông T chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Nay ông T đồng ý trả số tiền nợ gốc và tiền lãi quá hạn đến ngày 21/5/2020 là 29.617.439 đồng bằng hình thức vận động gia đình thanh toán nếu có điều kiện hoặc sẽ thanh toán khi ông T chấp hành xong hình phạt tù. Còn đối với

khoản lãi phát sinh sau ngày 21/5/2020 cho đến khi trả dứt nợ vay ông T xin miễn vì hoàn cảnh gia đình khó khăn, đang nuôi con nhỏ đồng thời bản thân đang chấp hành án phạt tù 16 năm.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông T phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền 44.763.555 đồng (trong đó nợ gốc 21.809.921 đồng, lãi quá hạn là 22.953.634 đồng). Và ông T có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 26/02/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng. Bị đơn ông Đinh Trung T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo thời hạn giải quyết vụ án theo đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định đúng thành phần, tư cách của những người tham gia tố tụng, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử vụ án.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn số tiền 44.763.555 đồng (trong đó nợ gốc 21.809.921 đồng, lãi quá hạn là 22.953.634 đồng). Và ông T có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 26/02/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng. Về án phí: giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng TMCP S yêu cầu ông Đinh Trung T trả số tiền nợ gốc và lãi phát sinh từ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng nên xác định tranh chấp giữa các đương sự là “*Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng*”; bị đơn có địa chỉ thường trú tại huyện L nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn ngân hàng TMCP S vắng mặt nhưng có người đại diện tham gia phiên tòa; bị đơn ông Đinh Trung T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo luật định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ gốc 21.809.921 đồng:

Ngày 09/01/2019, ông Đinh Trung T có ký với Ngân hàng TMCP S (sau đây gọi là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị

cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng- các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 19.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, mức lãi suất được áp dụng là mức lãi suất thỏa thuận giữa đơn vị phát hành thẻ và chủ thẻ. Việc giao kết hợp đồng giữa các bên là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên phát sinh hiệu lực.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, căn cứ bản tóm tắt sao kê các giao dịch qua số thẻ 472074-8581 của ông Đinh Trung T từ ngày 22/02/2019 đến ngày 25/02/2022 thể hiện ông T đã thực hiện giao dịch số tiền 18.152.800 đồng. Ông T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 0 đồng. Thứ tự thanh toán áp dụng theo Điều 20 của Bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, ưu tiên thanh toán phí lãi trước, giao dịch sau. Cụ thể: Phí trễ hạn 817.721 đồng; Phí vượt hạn mức là 200.000 đồng; Phí 659.000 đồng; Lãi 1.980.400 đồng.

Ngày 23/6/2019, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Vì vậy số tiền nợ gốc ông T còn nợ Ngân hàng là 21.809.921 đồng. Ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng yêu cầu buộc ông T phải thanh toán số tiền nợ gốc còn thiếu là phù hợp với quy định tại Điều 2 của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng và Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng mà hai bên đã giao kết và quy định tại Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Do đó, HĐXX có cơ sở chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng buộc ông T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 09/01/2022 là **21.809.921 đồng**.

[2.2] Về yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn có trách nhiệm thanh toán tiền lãi quá hạn tạm tính từ ngày 23/6/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 25/02/2022) số tiền 22.953.634 đồng:

Ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên phải có trách nhiệm thanh toán tiền lãi quá hạn phát sinh tính trên dư nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn đã thỏa thuận là phù hợp với quy định tại Điều 2 của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng và Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng mà hai bên đã giao kết và quy định tại Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Theo thỏa thuận quy định trong hợp đồng thì mức lãi suất nợ quá hạn tính bằng 150% lãi trong hạn, do đó mức lãi suất nợ hạn của thẻ tín dụng là 3.225%/tháng (2.15%/ tháng x 150%).

Số tiền lãi quá hạn tạm tính trên dư nợ gốc ông T phải trả từ ngày 23/6/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 25/02/2022) là:

$$[(21.809.921 \text{ đồng} \times 3.225\%/\text{tháng}) : 30 \text{ ngày}] \times 979 \text{ ngày} = \mathbf{22.953.634 \text{ đồng}}$$

[2.3] Do đó tổng số tiền gốc và lãi mà ông T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 25/02/2022) là: **44.763.555 đồng**.

Ông T có trách nhiệm tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 26/02/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn ông T phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch được tính trên giá trị tranh chấp 44.763.555 đồng.

Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S.

Buộc ông Đinh Trung T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền gốc và lãi quá hạn của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 09/01/2019 tính đến ngày 25/02/2022 là **44.763.555 đồng** (Bốn mươi bốn triệu, bảy trăm sáu mươi ba ngàn, năm trăm năm mươi lăm đồng) (trong đó nợ gốc **21.809.921 đồng**, lãi quá hạn là **22.953.634 đồng**).

Ông Đinh Trung T có trách nhiệm tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn quy định trong hợp đồng đã giao kết tính trên dư nợ gốc kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Đinh Trung T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là **2.238.177 đồng** (Hai triệu, hai trăm ba mươi tám ngàn, một trăm bảy mươi bảy đồng)

Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí, trả lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền 740.436 đồng (bảy trăm bốn mươi ngàn, bốn trăm ba mươi sáu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2019/0032520 ngày 22/10/2020 của Cục Thi hành án dân sự T phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 25/02/2022), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND huyện L;
- Cục THADS TP Hồ Chí Minh
- THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký và đóng dấu)

Phạm Thị Bình

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Di

Huỳnh Minh

Phạm Thị Bình

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Di

Huỳnh Minh

Phạm Thị Bình

